

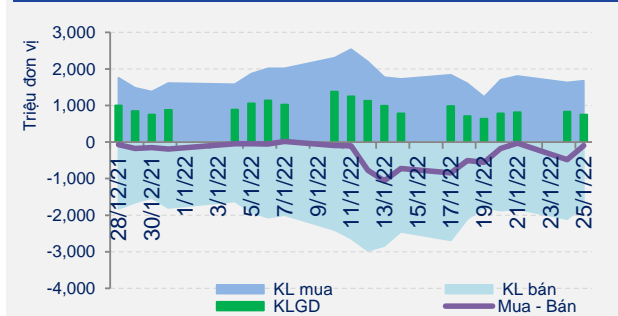
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 25/1/2022

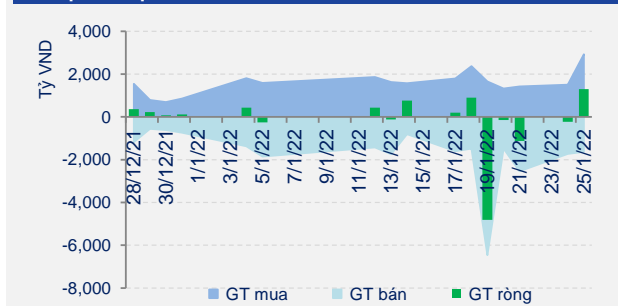
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,479.58	410.23
% Thay đổi	↑ 2.77%	↑ 2.36%
KLGD (CP)	751,388,350	77,476,539
GTGD (tỷ đồng)	22,212.07	2,184.14
Tổng cung (CP)	1,772,809,100	92,898,900
Tổng cầu (CP)	1,679,646,400	95,437,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	36,119,400	927,720
KL mua (CP)	72,551,600	644,919
GT mua (tỷ đồng)	2,925.45	20.47
GT bán (tỷ đồng)	1,634.01	32.78
GT ròng (tỷ đồng)	1,291.44	(12.31)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 1.62%	21.4	3.4	1.5%
Công nghiệp	↑ 1.30%	23.5	3.2	15.6%
Dầu khí	↑ 0.09%	20.2	2.1	2.5%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 1.21%	-	9.7	2.7%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.02%	15.7	2.4	0.3%
Hàng Tiêu dùng	↑ 1.35%	21.5	3.9	9.9%
Ngân hàng	↑ 3.46%	12.8	2.2	24.4%
Nguyên vật liệu	↑ 3.93%	9.5	2.2	10.1%
Tài chính	↑ 2.90%	20.7	3.2	30.6%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 2.33%	16.0	2.7	2.2%
VN - Index	↑ 2.77%	17.0	3.0	
HNX - Index	↑ 2.36%	22.3	3.9	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Diễn biến thị trường trong phiên hôm nay có lẽ đã làm bất ngờ các nhà đầu tư khi các chỉ số điều chỉnh vào đầu phiên sáng nhưng bật mạnh trong phiên chiều và giúp cho thị trường lấy lại còn nhiều hơn mức giảm của phiên hôm trước. Cụ thể, VN-Index tăng 39,87 điểm (+2,77%) lên 1.479,58 điểm. Độ rộng thị trường là tích cực với 304 mã tăng (12 mã tăng trần), 40 mã tham chiếu, 150 mã giảm (18 mã giảm sàn). Cổ phiếu ngân hàng tiếp tục là người hùng và đóng vai trò dẫn dắt thị trường trong phiên hôm nay với hàng loạt mã tăng mạnh như LPB (+7%), STB (+4,2%), TCB (+3,2%), CTG (+3,8%), MBB (+1,6%), VPB (+4,3%), TPB (+5,3%), VCB (+3%), BID (+4,5%), SHB (+3,9%), ACB (+1,5%), MSB (+4,2%), HDB (+3,6%), OCB (+3%)... Bên cạnh đó, các cổ phiếu thuộc nhóm VN30 (+3,05%) cũng đồng loạt mạnh mẽ củng cố đà tăng cho thị trường, có thể kể đến MSN (+7%), VRE (+6,9%), POW (+6,8%), HPG (+6,3%), VHM (+6,3%), PDR (+5,4%), GVR (+3,6%), SSI (+3,3%), GAS (+2,2%), KDH (+1,6%), FPT (+1,4%), NVL (+1,2%), VIC (+1,1%), BVH (+1%)... Ở chiều ngược lại, các cổ phiếu nóng tiếp tục bị bán mạnh và khiến nhiều mã rơi vào tình trạng giảm sàn CII (-6,9%), HAG (-6,7%), LDG (-6,9%), FLC (-6,7%), NBB (-6,9%), QCG (-6,8%), FCN (-6,8%), ROS (-6,9%)... Khối ngoại mua ròng gần 1.300 tỷ đồng trên hai sàn là điểm sáng trong phiên.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Sau phiên giảm mạnh hôm qua (-2,3%) thì với phiên hồi phục ngày hôm nay (+2,8%), các nhà đầu tư trên thị trường đã có được trấn an tâm lý cần thiết trong bối cảnh kỳ nghỉ Tết đang cận kề. Vẫn giống như mọi năm, tuần giao dịch cuối cùng của năm Âm lịch luôn với thanh khoản thấp hơn mức trung bình và năm nay cũng không phải là ngoại lệ với 8 phiên liên tiếp thanh khoản ở mức thấp. Và nếu như không có gì bất thường xảy ra thì thị trường chứng khoán thường tăng điểm sau kỳ nghỉ Tết. Theo thống kê, điều này đã diễn ra 5/6 lần trong giai đoạn 2016-2021 (ngoại trừ năm 2020 thị trường giảm do Covid-19). Do đó, thời điểm trước Tết, những phiên giảm điểm sâu sẽ là cơ hội cho các nhà đầu tư tích lũy thêm cổ phiếu để đón sóng tăng đầu năm mới. Tuy nhiên, đà tăng có thể chậm lại trong phiên tiếp theo 26/1 khi mà VN-Index hiện đã nằm trong vùng kháng cự 1.475-1.490 điểm (MA20-50) nên sự giằng co và rung lắc có thể diễn ra. Nhà đầu tư đã tham gia bắt đáy trong các phiên 12/1, 18/1 và 24/1 có thể tiếp tục nắm giữ danh mục và mua thêm nếu thị trường có nhịp điều chỉnh về vùng hỗ trợ 1.400-1.450 điểm trong phiên tiếp theo.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 25/1/2022

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch với sắc đỏ trong phần lớn thời gian phiên hôm nay, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.424,36 điểm. Về chiều, lực cầu gia tăng mạnh giúp chỉ số lấy lại sắc xanh và đà tăng được duy trì cho đến hết phiên giúp chỉ số kết phiên ở mức cao nhất. Kết phiên, VN-Index tăng 39,87 điểm (+2,77%) lên 1.479,58 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VHM tăng 4.800 đồng, MSN tăng 10.000 đồng, HPG tăng 2.550 đồng. Ở chiều ngược lại, VNM giảm 1.800 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index giảm điểm trong phiên giao dịch sáng, với mức thấp nhất trong phiên tại 395,24 điểm. Nhưng về chiều, lực cầu gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh và đà tăng mạnh dần về cuối phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 410,95 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 9,47 điểm (+2,36%) lên 410,23 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: NVB tăng 2.400 đồng, CEO tăng 5.700 đồng, THD tăng 2.100 đồng. Ở chiều ngược lại, VCS giảm 1.900 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 1.276,18 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 38,1 triệu đơn vị. VHM là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 182,5 tỷ đồng tương ứng với 2,3 triệu cổ phiếu, tiếp theo là CTG với 156,3 tỷ đồng tương ứng với 4,3 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VNM là mã bị bán ròng nhiều nhất với 140,3 tỷ đồng tương ứng với 1,8 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 12,16 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 283 nghìn cổ phiếu. THD là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 8,8 tỷ đồng tương ứng với 53 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là SHS với 6,8 tỷ đồng tương ứng với 181 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, PVI là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 9,3 tỷ đồng tương ứng với 203 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index hồi phục mạnh trong phiên hôm nay với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên giảm trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy là tâm lý nghỉ Tết đang xuất hiện trên thị trường trong tuần giao dịch cuối cùng của năm Tân Sửu.

Góc nhìn kỹ thuật là lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên hồi phục mạnh hôm nay (+2,77%) thì chỉ số VN-Index đã thoát ra khỏi vùng hỗ trợ trong khoảng 1.400-1.450 điểm (tương ứng với đáy của chỉ số vào tháng 12/2021) để tiến vào vùng kháng cự hiện tại trong khoảng 1.475-1.490 điểm (MA20-50). Đây là vùng kháng cự tương đối mạnh của chỉ số, nhưng nếu vượt qua được vùng này thì VN-Index có khả năng sẽ tiến tới thử thách ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 26/1, chỉ số VN-Index có thể sẽ giằng co và rung lắc với biên độ trong khoảng 1.475-1.490 điểm.

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán xuất hiện trở lại thì chỉ số VN-Index có thể lui về test vùng hỗ trợ 1.400-1.450 điểm.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

World Bank: Việt Nam cần 14 tỷ USD mỗi năm cho quá trình chuyển đổi năng lượng

Giám đốc Quốc gia của Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam, trong thập kỷ tới, ngành năng lượng cần phát thải ít carbon hơn và dần loại bỏ nhiên liệu hóa thạch, nguồn nhiên liệu tạo ra lượng phát thải khí nhà kính lớn nhất.



TIN TRONG NƯỚC

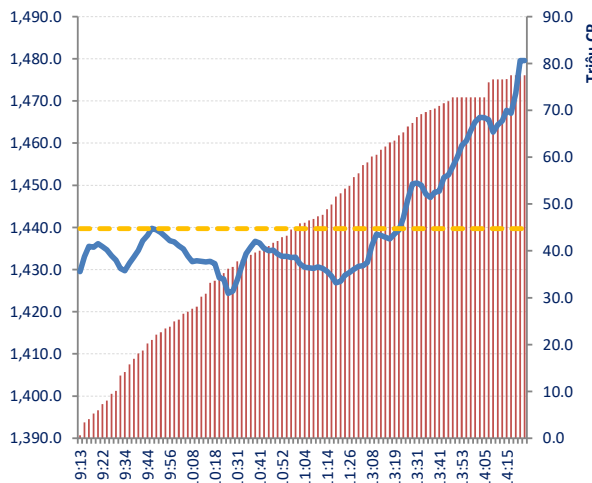
Giá vàng trong nước tăng	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 61,9 - 62,5 triệu đồng/lượng, tăng 500.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 300.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng 6 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 25/1 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.066 VND/USD, tăng 6 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

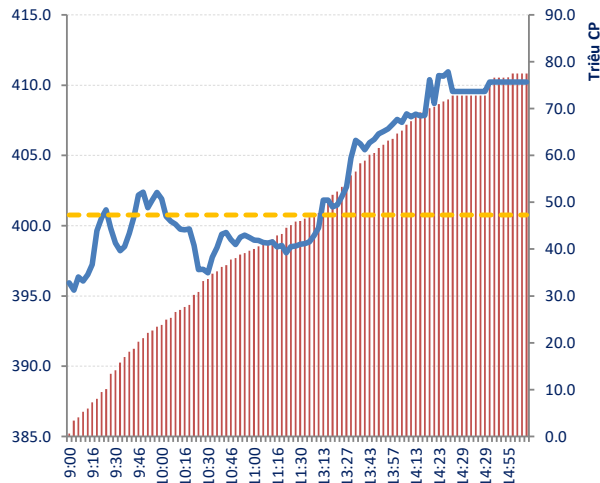
Giá vàng thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 3,85 USD/ounce tương ứng với 0,21% xuống 1.837,85 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,131 điểm tương ứng 0,14% lên 96,032 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1296 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3493 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 114 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,89 USD/thùng tương ứng với 1,06% lên 84,2 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 24/1, Dow Jones tăng 99,13 điểm tương đương 0,29% lên 34.364,5 điểm. Nasdaq tăng 86,21 điểm tương đương 0,63% lên 13.855,13 điểm. Nasdaq Composite tăng 12,19 điểm tương đương 0,28% lên 4.410,13 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

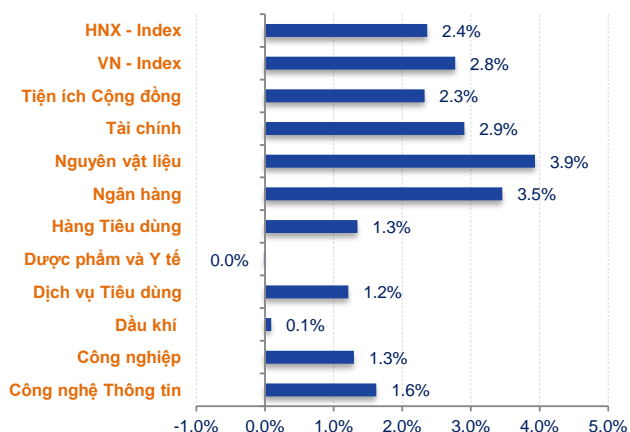
KLGD và VN-Index trong phiên



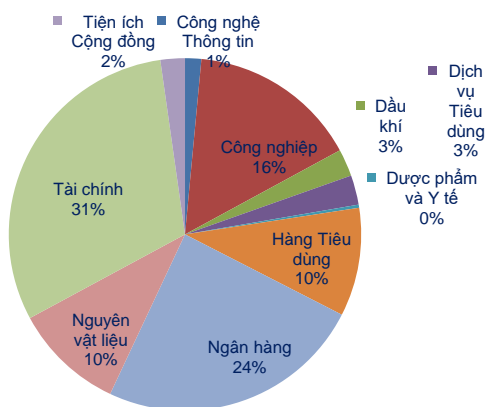
KLGD và HNX-Index trong phiên



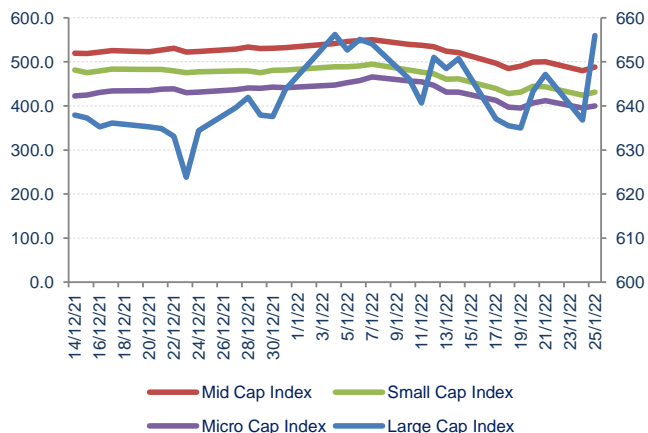
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



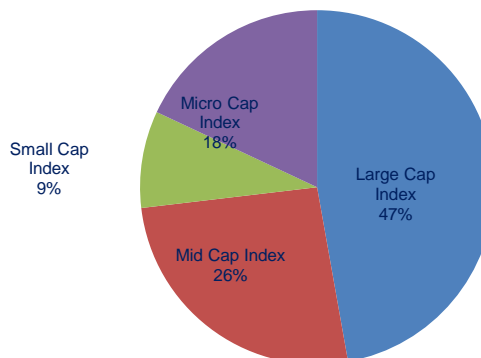
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CTG	4,314,400	E1VFN30	2,854,500
2	STB	3,098,700	VNM	1,760,600
3	KBC	2,475,200	VIC	1,251,500
4	FUESSVFL	2,474,000	FUEVFN30	938,000
5	VHM	2,332,800	NVL	319,900

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVI	202,900	BCC	350,000
2	IVS	91,200	SHS	180,900
3	CEO	74,300	PVS	124,000
4	KLF	59,100	THD	52,900
5	PPS	26,800	IDJ	49,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HAG	12.70	11.85	↓ -6.69%	50,155,850
FLC	12.00	11.20	↓ -6.67%	25,748,000
STB	33.30	34.70	↑ 4.20%	25,742,400
LPB	21.50	23.00	↑ 6.98%	22,097,300
MBB	32.10	32.60	↑ 1.56%	21,117,500

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
KLF	6.00	5.40	↓ -10.00%	11,481,897
CEO	57.00	62.70	↑ 10.00%	7,706,226
PVS	29.00	28.60	↓ -1.38%	7,024,976
SHS	36.90	38.40	↑ 4.07%	4,687,763
HUT	20.40	20.70	↑ 1.47%	4,136,165

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PHR	74.30	79.50	5.20	↑ 7.00%
MSN	143.00	153.00	10.00	↑ 6.99%
DGW	88.80	95.00	6.20	↑ 6.98%
LPB	21.50	23.00	1.50	↑ 6.98%
SKG	15.80	16.90	1.10	↑ 6.96%

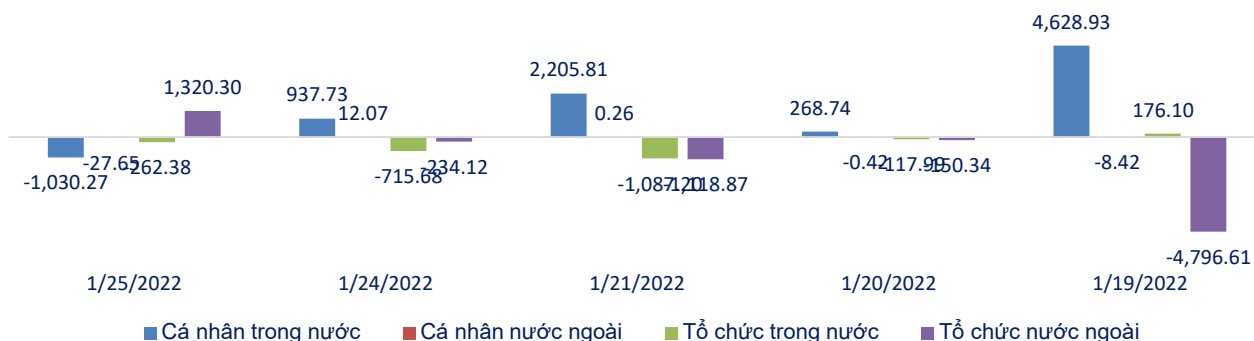
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CMS	28.00	30.80	2.80	↑ 10.00%
L14	358.00	393.80	35.80	↑ 10.00%
CEO	57.00	62.70	5.70	↑ 10.00%
L18	55.10	60.60	5.50	↑ 9.98%
VBC	33.20	36.50	3.30	↑ 9.94%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HID	10.00	9.30	-0.70	↓ -7.00%
TSC	18.60	17.30	-1.30	↓ -6.99%
LCM	6.49	6.04	-0.45	↓ -6.93%
FDC	17.30	16.10	-1.20	↓ -6.94%
NBB	36.85	34.30	-2.55	↓ -6.92%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TOT	17.00	15.30	-1.70	↓ -10.00%
KLF	6.00	5.40	-0.60	↓ -10.00%
DAE	26.00	23.50	-2.50	↓ -9.62%
THS	14.90	13.50	-1.40	↓ -9.40%
AME	14.00	12.70	-1.30	↓ -9.29%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	177.40	31.0%	5,037	16.1	5.0
VIC	145.69	2.9%	1,111	85.5	2.2
TCB	51.07	21.3%	4,965	10.1	2.0
FLC	37.73	13.1%	1,967	6.1	0.9
MBB	34.12	20.3%	2,943	10.9	2.1

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	-154.31	18.1%	3,439	10.4	1.8
VHM	-142.70	38.3%	8,968	8.5	2.8
STB	-91.95	11.1%	1,864	17.9	1.9
SSI	-82.51	13.0%	1,402	29.6	3.0
PTB	-64.99	23.9%	10,779	9.9	2.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PVD	7.21	0.2%	69	475.0	1.0
VHM	2.91	38.3%	8,968	8.5	2.8
LPB	2.33	18.5%	2,387	9.0	1.6
BMI	1.81	10.8%	2,286	15.5	1.4
GEX	1.74	8.6%	1,754	20.4	1.4

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SZC	-6.44	23.7%	3,236	22.2	5.2
CTG	-5.70	18.1%	3,439	10.4	1.8
BID	-5.54	12.0%	1,975	23.7	2.2
STB	-5.23	11.1%	1,864	17.9	1.9
VCB	-4.48	20.4%	4,464	20.8	3.1

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
E1VFN30	64.11	N/A	N/A	N/A	N/A
HHV	51.04	3.9%	1,083	23.0	0.9
APH	48.69	1.6%	430	71.8	1.1
PTB	44.94	23.9%	10,779	9.9	2.3
FUEVFND	29.68	N/A	N/A	N/A	N/A

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	-141.12	6.0%	1,494	34.7	2.0
VCB	-55.61	20.4%	4,464	20.8	3.1
FUESSVFL	-55.35	N/A	N/A	N/A	N/A
TCB	-51.07	21.3%	4,965	10.1	2.0
FLC	-46.23	13.1%	1,967	6.1	0.9

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	179.56	38.3%	8,968	8.5	2.8
CTG	162.53	18.1%	3,439	10.4	1.8
KBC	135.16	6.0%	1,494	34.7	2.0
STB	111.15	11.1%	1,864	17.9	1.9
NLG	81.70	10.5%	3,155	15.6	1.4

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-138.37	31.0%	5,037	16.1	5.0
VIC	-119.13	2.9%	1,111	85.5	2.2
E1VFN30	-68.70	N/A	N/A	N/A	N/A
NVL	-25.66	7.9%	1,577	49.5	2.8
FUEVFND	-24.49	N/A	N/A	N/A	N/A



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HAG	50,155,850	-18.4%	(1,220)	-	2.4
FLC	25,748,000	3250.0%	1,967	6.1	0.9
STB	25,742,400	11.1%	1,864	17.9	1.9
LPB	22,097,300	18.5%	2,387	9.0	1.6
MBB	21,117,500	20.3%	2,943	10.9	2.1

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
KLF	11,481,897	0.4%	40	148.5	0.6
CEO	7,706,226	-4.7%	(606)	-	4.5
PVS	7,024,976	4.6%	1,238	23.4	1.1
SHS	4,687,763	25.5%	2,995	12.3	1.9
HUT	4,136,165	1.9%	240	85.0	1.9

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PHR	↑ 7.0%	16.9%	3,985	18.6	3.1
MSN	↑ 7.0%	8.4%	2,032	70.4	5.2
DGW	↑ 7.0%	44.7%	7,476	11.9	4.4
LPB	↑ 7.0%	18.5%	2,387	9.0	1.6
SKG	↑ 7.0%	-4.6%	(609)	-	1.2

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CMS	↑ 10.0%	-4.0%	(541)	-	2.1
L14	↑ 10.0%	13.6%	1,987	180.1	21.7
CEO	↑ 10.0%	-4.7%	(606)	-	4.5
L18	↑ 10.0%	4.5%	683	80.7	3.9
VBC	↑ 9.9%	20.4%	3,748	8.9	1.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	4,314,400	18.1%	3,439	10.4	1.8
STB	3,098,700	11.1%	1,864	17.9	1.9
KBC	2,475,200	6.0%	1,494	34.7	2.0
UESSVF	2,474,000	N/A	N/A	N/A	N/A
VHM	2,332,800	38.3%	8,968	8.5	2.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVI	202,900	11.2%	3,722	12.3	1.5
IVS	91,200	1.4%	135	93.1	1.2
CEO	74,300	-4.7%	(606)	-	4.5
KLF	59,100	0.4%	40	148.5	0.6
PPS	26,800	10.6%	1,306	10.0	1.1

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	440,124	20.4%	4,464	20.8	3.1
VIC	361,495	2.9%	1,111	85.5	2.2
VHM	331,803	38.3%	8,968	8.5	2.8
BID	237,245	12.0%	1,975	23.7	2.2
GAS	204,984	17.1%	4,531	23.6	3.9

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	58,520	25.2%	4,694	35.6	10.1
KSF	29,400	8.8%	744	131.7	4.9
IDC	17,850	11.8%	1,805	33.0	3.8
VCS	17,264	41.5%	11,163	9.7	3.7
BAB	16,870	8.3%	964	23.2	1.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TNI	4.01	0.1%	9	884.5	0.7
IDI	3.80	2.7%	363	32.5	0.9
DRH	3.76	2.1%	292	88.0	1.8
DXV	3.75	-3.1%	(336)	-	0.6
SJF	3.71	0.5%	51	217.1	1.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	3.06	9.9%	475	23.6	2.2
CEO	2.48	-4.7%	(606)	-	4.5
L18	2.22	4.5%	683	80.7	3.9
ART	2.16	0.1%	16	617.7	0.9
SDA	2.12	3.3%	243	83.4	2.7



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
